

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18- 6 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Bình và ông Hồ Trọng Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hương T, sinh năm 1987

Địa chỉ nơi thường trú: Tổ dân phố số A, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.
Nơi ở: Tổ dân phố số F, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Nơi làm việc: Trường P Nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện V, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đình N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2025; bản tự khai ngày 04 tháng 3 năm 2025; bản tự khai ngày 15 tháng 5 năm 2025; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8/2013, không đăng ký kết hôn. Đến ngày 22/11/2013 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân T2, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị sống khá yên ả. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng sâu sắc về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên bất hòa, cãi vã khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 8 năm 2023 vợ chồng chị đã sống ly thân đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bản thân chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy chị

đề nghị T1 án nhân dân huyện V giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình N có hai con chung là cháu Hoàng Đình K, sinh ngày 30/4/2014 và cháu Hoàng Đình N1, sinh ngày 22/11/2019. Từ khi vợ chồng chị sống ly thân, hai cháu do chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Do hai cháu vẫn còn nhỏ, đang trong độ tuổi đi học, cần có sự chăm sóc chu đáo trong cuộc sống của mẹ nên khi ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị T là giáo viên công tác tại trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện V, hưởng lương 16.661.370 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng các con chung của vợ chồng chị là 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Vì vậy chị T đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình N có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn chị đề vợ chồng tự thỏa thuận chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình N2 không vay nợ ai, không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn anh Hoàng Đình N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Đình N nhưng anh Hoàng Đình N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hương T; không có mặt theo giấy triệu tập, không đến Tòa án giải quyết vụ án.

3. Ý kiến của con chưa thành niên: Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 24/4/2025, cháu Hoàng Đình K có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Hương T.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hương T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Hoàng Đình N có địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì

vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình Nghĩa L hợp pháp. Chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8/2013, không đăng ký kết hôn. Ngày 22/11/2013 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn T2, huyện V, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng sâu sắc về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên bất hòa, cãi vã khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 8 năm 2023 vợ chồng anh chị đã sống ly thân đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Tại giấy xác nhận ngày 21/4/2025 tổ trưởng tổ dân phố số 6 đã xác nhận về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình N. Đối với anh Hoàng Đình N đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T mà bỏ mặc, thờ ơ trước tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nghĩa L có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Hương T được ly hôn với anh Hoàng Đình N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình N có hai người con chung là cháu Hoàng Đình K, sinh ngày 30/4/2014 và cháu Hoàng Đình N1, sinh ngày 22/11/2019. Từ khi vợ chồng chị sống ly thân, hai cháu do chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Do hai cháu vẫn còn nhỏ, đang trong độ tuổi đi học, cần có sự chăm sóc chu đáo trong cuộc sống của mẹ nên khi ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Hoàng Đình K có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Xét thấy chị T có việc làm ổn định, chị là giáo viên công tác tại trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện V, hưởng lương 16.661.370 đồng/tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu K và cháu N1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Hương T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình N. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Hương T và anh Hoàng Đình N chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Đình K, sinh ngày 30/4/2014 và cháu Hoàng Đình N1, sinh ngày 22/11/2019 cho chị Nguyễn Hương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Đình N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Hương T phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003123758 ngày 03/3/2025 nộp trên cổng dịch vụ công quốc gia (Biên lai số: 0004217 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai thu từ lệnh thanh toán đến ngày 04/3/2025. Chị Nguyễn Hương T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V (2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND TT K, huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V (2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Chiềng Ken,
huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V (2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Nàn Sán
và UBND xã Quan Hồ Thần,
huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

